

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 9 - 2022

V/v ly hôn giữa anh T và chị Th

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Trường

Ông Nguyễn Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Xóm 9, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Lưu Thị Th, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Xóm 21, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh T vắng mặt, chị Th có mặt (anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lưu Thị Th kết hôn với nhau do tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 27 tháng 11 năm 2005. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc,

từ cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn; Do tình cảm vợ chồng không hòa hợp được như ý, đến tháng 8 năm 2021 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, cô Th về bố mẹ đẻ ở, anh về bố mẹ anh ở từ đó đến nay. Nay anh T có lời khai xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị Th để yên tâm làm ăn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 24 tháng 08 năm 2007; Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2013, hiện cả 02 con đang ở cùng chị Th. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con, nếu cả 02 con chung có nguyện vọng ở cùng chị Th, thì anh nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn là chị Lưu Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào tháng 11 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, sau khi kết hôn vợ chồng vào Miền Nam thuê nhà ở làm ăn, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống. Sau khi sinh con thứ 2 ở Vũng Tàu, tình cảm không được như trước, vì anh T có quan hệ ngoại tình, nên đến tháng 8/2021 vợ chồng sống ly thân, đến tháng 11/2021 chị về bố mẹ đẻ ở, sau đó anh T cũng về quê anh ở không còn chung sống ở Vũng Tàu nữa. Nay anh T đề nghị xin ly hôn. Tại phiên tòa chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì con chị không đồng ý ly hôn, mong anh T nghĩ lại về vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung đúng như anh T khai ở trên. Nếu phải ly hôn chị yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, nếu anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con thì tùy ở anh.

Về tài sản: Hiện nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này chị có tài liệu xác định là tài sản chung của vợ chồng, chị có đơn đề nghị giải quyết sau.

Về công sức đóng góp, khoản nợ: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn, bị đơn; Từ khi thụ lý vụ án, anh T, chị Th thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, xử cho ly hôn ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lưu Thị Th;

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 24 tháng 08 năm 2007 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2013 cho chị Lưu Thị Th nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T nhận cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành, tự lập được.

Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Hiện tại chị Th không yêu cầu, nếu sau này chị Th có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lưu Thị Th kết hôn với nhau vào 27 tháng 11 năm 2005, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau cưới vợ chồng chung sống bình thường và đã sinh được 02 con chung. Từ cuối năm 2012 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau luôn xảy ra bất đồng về quan điểm sống, đến tháng 8 năm 2021 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị Th. Chị Th cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì các con nên chị không nhất trí ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lưu Thị Th đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng có lời khai và quan điểm về con chung ở trên. Tại phiên tòa; chị Th cũng có quan điểm nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, còn anh T tự nguyện

nhận cấp dưỡng thì tùy anh T. Hiện các con đang ở cùng chị Th và đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục các con, nên giao chị Th tiếp tục có trách nhiệm nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Th mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi các con trưởng thành, tự lập được.

[4] Về tài sản, công nợ: Hiện tại các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Nếu sau này chị Th có yêu cầu giải quyết về tài sản thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho Ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lưu Thị Th.

2. Con chung: Giao chị Lưu Thị Th có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 24 tháng 08 năm 2007 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2013, chấp nhận sự tự nguyện của anh T nhận cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Th mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi các con trưởng thành, tự lập được.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002007 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh. Anh Nguyễn Văn T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu